

Công ty Cổ phần FPT (FPT: HOSE)

Ngày báo cáo 23/03/2025
Ngành: CNTT
CVPT: Bạch Chấn Mẫn
Email: manbc@ssi.com.vn
Tel: +84-28 3636 3688 ext. 3062

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1Y: **156.300 Đồng**
Giá CP ngày 21/03/2025: 128.000 Đồng
% Tăng giá: **+22,1%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 7.413
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 188.297
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 1.471
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 5.536.176
Giá cao/thấp nhất 52T (NĐ): 154,3/93,5
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 745.8
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 42,9
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 5,7

Biên động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

FPT được thành lập vào năm 1988, là công ty hàng đầu trong ngành CNTT Việt Nam. Công ty được niêm yết trên HOSE năm 2006. Đến nay, FPT đã duy trì được mức tăng trưởng cao, mở rộng ngành nghề kinh doanh khác nhau và mở rộng ra thị trường thế giới.

Giá trị hợp đồng ký mới chậm lại

- KQKD 2 tháng đầu năm 2025 phù hợp với kỳ vọng, chủ yếu được thúc đẩy nhờ mảng công nghệ thông tin (CNTT) và viễn thông.
- Chi tiêu CNTT tại Hoa Kỳ tiếp tục chững lại như năm ngoái đã ảnh hưởng đến tăng trưởng chung của ngành CNTT toàn cầu.
- Giá trị hợp đồng ký mới/doanh thu ký mới đang cho thấy tín hiệu tăng trưởng chậm lại.

Luận điểm đầu tư: Chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** cho cổ phiếu của FPT, với giá mục tiêu 12 tháng là **156.300 đồng** (từ 176.400 đồng/cổ phiếu) (tương ứng với tiềm năng tăng giá 22%).

KQKD 2 tháng đầu năm 2025 phù hợp với dự báo của chúng tôi, mặc dù tăng trưởng doanh thu của mảng CNTT nước ngoài đang chậm lại, do các doanh nghiệp Mỹ vẫn thận trọng trong chi tiêu CNTT (trước đây chúng tôi giả định có sự cải thiện trong chi tiêu CNTT tại thị trường này). Mặc dù dự án FPT AI Factory chưa ghi nhận doanh thu, doanh thu CNTT trong nước vẫn ghi nhận tăng trưởng 10% svck, giúp thu hẹp mức lỗ so với 2 tháng đầu năm 2024. Mảng viễn thông hoạt động hiệu quả với mức tăng trưởng hai chữ số về cả doanh thu lẫn lợi nhuận, phản ánh nỗ lực bán hàng hiệu quả của FPT và tối ưu hóa các gói dịch vụ internet.

Triển vọng: Từ năm 2024, giá trị hợp đồng ký mới/doanh thu ký mới có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại, chỉ đạt khoảng 13%-14% mỗi năm (so với mức 30%-40% mỗi năm trong giai đoạn 2022-2023). Nhưng chúng tôi tin rằng triển vọng tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2025 vẫn sẽ tích cực. Cụ thể, chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (NPATMI) sẽ tăng lần lượt 19% và 22% svck. Tuy nhiên, về dài hạn, chúng tôi lo ngại rằng triển vọng tăng trưởng của công ty có thể trở nên khó khăn hơn nếu đà chững lại này vẫn tiếp diễn.

Yếu tố hỗ trợ đối với khuyến nghị: Tình hình kinh tế vĩ mô tại Hoa Kỳ cải thiện có thể thúc đẩy chi tiêu CNTT cao hơn và hỗ trợ tăng trưởng cho mảng công nghệ.

Rủi ro giảm đối với khuyến nghị:

- Mức lương kỹ sư CNTT cao hơn có thể làm giảm lợi thế chi phí thấp của FPT.
- Tiên độ triển khai dự án FPT AI Factory chậm hơn dự kiến có thể ảnh hưởng triển vọng tăng trưởng dài hạn.

Bảng 1: Chỉ tiêu chính

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	35.657	44.010	52.618	62.849	74.650	89.232
Lợi nhuận gộp	13.632	17.167	20.320	23.698	28.801	34.529
Lợi nhuận trước thuế	6.337	7.662	9.203	11.070	13.322	16.065
Lợi nhuận ròng	5.349	6.491	7.788	9.427	11.351	13.687
EPS (VND)	3.614	4.420	4.652	4.916	5.979	7.334
BVPS (VND)	19.767	19.183	19.663	20.252	24.231	29.565
DPS (VND)	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
ROA	11,2%	12,3%	13,9%	14,3%	14,7%	15,1%
ROE	26,7%	27,8%	28,2%	28,7%	28,7%	28,3%
Tỷ suất cổ tức	2,2%	2,6%	2,1%	1,3%	1,6%	1,6%
Tiền/VCSH (x)	0,3	0,3	0,3	0,5	0,5	0,6
P/E (x)	25,7	17,4	20,7	31	21,4	17,5
P/B (x)	4,7	4	4,9	7,5	5,3	4,3

Nguồn: FPT, SSI Research

KQKD 2T2025 phù hợp với dự báo của chúng tôi, nhưng giá trị hợp đồng ký mới đang cho thấy dấu hiệu chậm lại

Trong 2T2025, FPT đã công bố doanh thu sơ bộ và lợi nhuận sau thuế (LNST) lần lượt là 10,4 nghìn tỷ đồng (+16% svck) và 1,6 nghìn tỷ đồng (+21% svck), trong đó lợi nhuận trước thuế (LNTT) tăng 20% svck. Mặc dù doanh thu thấp hơn dự kiến, LNST vẫn phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

Mảng Công nghệ lần lượt chiếm hơn 50% và 40% trong tổng doanh thu và LNTT:

- **Doanh thu CNTT nước ngoài** (+21% svck) thấp hơn dự báo của chúng tôi, chủ yếu do khu vực châu Mỹ tăng trưởng chậm (+8% svck, so với ước tính trước đây của chúng tôi là 15%-16% cho năm 2025). Chúng tôi lưu ý rằng doanh thu đã ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 30% svck trong 2T2024 và 27% svck trong năm 2024:
 - ✓ Tại khu vực châu Mỹ, thị trường chỉ ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu dưới 10% trong năm ngoài, chủ yếu do căng thẳng địa chính trị và điều kiện vĩ mô kém thuận lợi tại Hoa Kỳ, khiến các doanh nghiệp nước này cắt giảm chi tiêu cho CNTT. Trước đó, chúng tôi kỳ vọng tình hình sẽ cải thiện dưới thời chính quyền Trump, giúp các doanh nghiệp Hoa Kỳ hưởng lợi từ năm 2025. Tuy nhiên, 2 tháng đầu năm nay vẫn chưa cho thấy sự thay đổi đáng kể nào, khi các doanh nghiệp Hoa Kỳ tiếp tục duy trì quan điểm thận trọng trong việc chi tiêu CNTT.
 - ✓ Đối với Nhật Bản, thị trường tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực với mức tăng trưởng doanh thu vững chắc 30% svck (công ty chưa công bố số liệu chi tiết của thị trường Châu Âu và Châu Á-Thái Bình Dương -trừ Nhật Bản).
 - ✓ Giá trị hợp đồng ký mới đã tăng 14% svck (tương tự như năm 2024), với 5 hợp đồng lớn (mỗi hợp đồng trị giá trên 10 triệu USD) được ký kết trong giai đoạn này.
- **Mảng CNTT trong nước** đạt tăng trưởng doanh thu 10% svck, thu hẹp mức lỗ so với 2T2024. Dự án FPT AI Factory chưa tạo ra doanh thu trong giai đoạn này như đã kỳ vọng trước đó. Chúng tôi cho rằng dự án sẽ bắt đầu tạo ra doanh thu từ Q2/2025.

Mảng Viễn thông đạt mức tăng trưởng doanh thu 15% svck, với biên lợi nhuận cao hơn, được hỗ trợ bởi nỗ lực bán hàng hiệu quả và tối ưu hóa các gói dịch vụ internet.

Mảng Giáo dục, đầu tư và các lĩnh vực khác: Mảng này chỉ cho thấy mức tăng trưởng một chữ số như dự báo cho cả doanh thu và LNTT.

Bảng 2: KQKD 2T2025

Tỷ đồng Mảng hoạt động	Doanh thu			LNTT			Biên LNTT	
	2T24	2T25	svck	2T24	2T25	svck	2T24	2T25
CNTT	5.201	6.194	19,1%	658	840	27,6%	12,7%	13,6%
CNTT nước ngoài	4.354	5.263	20,9%	692	862	24,5%	15,9%	16,4%
CNTT trong nước	847	931	9,9%	-34	-22	n.m	-4,0%	-2,4%
Viễn Thông	2.638	3.042	15,3%	476	580	21,9%	18,0%	19,1%
Giáo dục, đầu tư và các lĩnh vực khác	1.126	1.202	6,7%	433	465	7,4%	38,5%	38,7%
FPT	8.966	10.438	16,4%	1.567	1.885	20,3%	17,5%	18,1%

Nguồn: FPT, SSI Research

Triển vọng lợi nhuận năm 2025

Bảng 3: Triển vọng năm 2025

Tỷ đồng Mảng hoạt động	Doanh thu				LNTT				Biên LNTT		
	2024	svck	2025F	svck	2024	svck	2025F	svck	2023	2024	2025F
CNTT	39.110	24%	48.227	23%	5.230	26%	6.810	30%	13,2%	13,4%	14,1%
CNTT nước ngoài	30.953	27%	38.442	24%	4.770	26%	6.191	30%	15,6%	15,4%	16,1%
CNTT trong nước	8.157	14%	9.785	20%	460	21%	619	35%	5,3%	5,6%	6,3%
Viễn Thông	17.610	11%	19.590	11%	3.588	18%	4.127	15%	19,2%	20,4%	21,1%
Dịch vụ viễn thông	16.906	11%	18.843	11%	3.420	18%	3.950	15%	19,1%	20,2%	21,0%
Quảng cáo trực tuyến	705	14%	747	6%	167	19%	178	6%	22,7%	23,8%	23,8%
Giáo dục, đầu tư và các lĩnh vực khác	6.129	14%	6.832	11%	2.252	12%	2.385	6%	37,4%	36,7%	34,9%
FPT	62.849	19%	74.650	19%	11.070	20%	13.322	20%	17,5%	17,6%	17,8%

Nguồn: SSI Research

Chúng tôi điều chỉnh giảm 6% dự báo doanh thu năm 2025 cho thị trường Châu Mỹ do những khó khăn hiện hữu tại Hoa Kỳ (như đã đề cập ở trên), trong khi các ước tính khác hầu như không thay đổi. Giả định này tương ứng với mức tăng trưởng doanh thu từ 8%-9% svck cho khu vực châu Mỹ, do chúng tôi cho rằng sẽ cần thêm thời gian để chi tiêu CNTT tại Hoa Kỳ có thể cải thiện trong ngắn hạn. Tuy nhiên, điều chỉnh này có thể không ảnh hưởng đáng kể đến dự báo lợi nhuận chung cho năm 2025. Mặc dù giá trị hợp đồng ký mới đã có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại từ năm 2024, chỉ đạt 13%-14% mỗi năm (so với mức 30%-40% mỗi năm trong giai đoạn 2022-2023), chúng tôi vẫn cho rằng NPATMI sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng hai chữ số trong năm 2025 (+22% svck).

Tóm tắt định giá

Với tốc độ tăng trưởng chậm lại của giá trị hợp đồng ký mới, chúng tôi lo ngại rằng nếu xu hướng này tiếp diễn, có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng dài hạn của ngành CNTT toàn cầu. Để thận trọng, chúng tôi hạ P/E mục tiêu cho mảng công nghệ xuống 25x (từ 30x). Hiện tại P/E trung bình của các doanh nghiệp công nghệ trong khu vực vào năm 2025 sẽ giảm xuống còn 18,7x (với mức tăng trưởng EPS là 8% svck), trong khi FPT đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 2025 là 21,4x (với tăng trưởng EPS là 22% svck).

Mặt khác, P/E mục tiêu của các mảng viễn thông và giáo dục vẫn được giữ nguyên ở mức lần lượt là 17x và 23x. Dựa trên phương pháp định giá tổng hợp các giá trị thành phần (SOTP), chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 12 tháng cho cổ phiếu FPT là **156.300 đồng/cổ phiếu** (giảm từ 176.400 đồng/cổ phiếu), tương ứng với tiềm năng tăng giá 22%. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu FPT.

Bảng 4: Giá mục tiêu theo pp SOTP

	Phương pháp	% Cổ phần	Lợi nhuận ròng 2025 (triệu đồng)	P/E mục tiêu (x)	Giá trị VCSH (triệu đồng)	% FPT (triệu đồng)
Viễn thông	P/E	46%	3.301.985	17	56.133.747	25.630.669
CNTT	P/E	100%	5.447.951	25	136.198.776	136.198.776
Giáo dục	P/E	100%	2.245.989	23	51.657.741	51.657.741
CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT: HOSE) *	DCF	47%			29.973.326	13.949.586
Sở hữu tại TP Bank (TPB: HOSE)						2.444.431
Tổng giá trị VCSH						229.881.203
Số lượng cổ phiếu lưu hành						1.471.069.183
Giá mục tiêu 1 năm						156.300
% tăng giá						22%
Tổng mức sinh lời bao gồm tỷ suất cổ tức**						24%

Nguồn: SSI Research.

*Đối với CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT, chúng tôi áp dụng pp DCF cho cả FPT Shop và Nhà thuốc Long Châu.

** Chúng tôi không tính khoản thanh toán cổ tức đợt 1 năm 2024 (1.000 đồng/cp, đã thanh toán năm 2024) vào ước tính lợi suất cổ tức của chúng tôi.

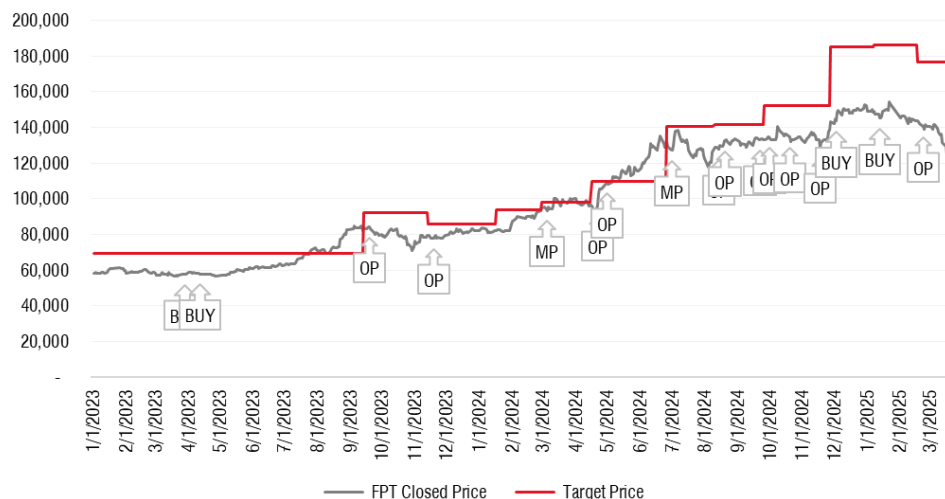
Yếu tố hỗ trợ đối với khuyến nghị:

- Tình hình kinh tế vĩ mô tại Hoa Kỳ cải thiện có thể thúc đẩy chi tiêu CNTT cao hơn và hỗ trợ tăng trưởng cho mảng công nghệ.

Rủi ro giảm đối với khuyến nghị:

- Mức lương kỹ sư CNTT cao hơn có thể làm giảm lợi thế chi phí thấp của FPT.
- Tiến độ triển khai dự án FPT AI Factory chậm hơn dự kiến có thể ảnh hưởng triển vọng tăng trưởng dài hạn.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	8.279	9.315	14.019	24.945
+ Đầu tư ngắn hạn	16.104	21.785	21.785	21.785
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	9.674	11.382	13.519	16.159
+ Hàng tồn kho	1.593	1.857	2.174	2.594
+ Tài sản ngắn hạn khác	1.055	1.197	1.414	1.689
Tổng tài sản ngắn hạn	36.706	45.536	52.911	67.172
+ Các khoản phải thu dài hạn	247	332	394	471
+ GTCL Tài sản cố định	13.643	14.816	17.931	20.233
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	1.315	2.560	1.484	1.004
+ Đầu tư dài hạn	3.335	3.318	3.318	3.318
+ Tài sản dài hạn khác	5.036	5.438	6.191	7.176
Tổng tài sản dài hạn	23.577	26.464	29.318	32.202
Tổng tài sản	60.283	72.000	82.229	99.374
+ Nợ ngắn hạn	29.652	34.836	37.309	44.448
Trong đó: vay ngắn hạn	13.838	14.446	12.984	14.995
+ Nợ dài hạn	698	1.436	1.544	1.738
Trong đó: vay dài hạn	208	501	755	795
Tổng nợ phải trả	30.350	36.272	38.853	46.186
+ Vốn góp	12.700	14.711	14.711	14.711
+ Thặng dư vốn cổ phần	50	50	50	50
+ Lợi nhuận chưa phân phối	8.674	11.031	16.885	24.732
+ Quỹ khác	8.509	9.937	11.731	13.696
Vốn chủ sở hữu	29.933	35.728	43.376	53.188
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	60.283	72.000	82.229	99.374
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	9.517	11.704	13.787	17.015
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-6.548	-8.462	-4.933	-5.199
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-1.168	-2.198	-4.151	-891
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.800	1.044	4.703	10.926
Tiền đầu kỳ	6.440	8.279	9.315	14.019
Tiền cuối kỳ	8.279	9.315	14.019	24.945
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,24	1,31	1,42	1,51
Hệ số thanh toán nhanh	1,15	1,22	1,32	1,41
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,82	0,89	0,96	1,05
Nợ ròng / EBITDA	0,48	0,4	-1,16	-1,34
Khả năng thanh toán lãi vay	12,05	21,07	23,12	26,91
Ngày phải thu	59,1	56,9	56,4	56,2
Ngày phải trả	32,8	32,8	38,2	37,9
Ngày tồn kho	20,1	16,1	16	15,9
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,5	0,5	0,53	0,54
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,5	0,5	0,47	0,46
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,01	1,02	0,9	0,87
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,35	0,45	0,51	0,58
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,46	0,4	0,3	0,28

Nguồn: FPT, SSI dự báo

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	52.618	62.849	74.650	89.232
Giá vốn hàng bán	-32.298	-39.150	-45.849	-54.702
Lợi nhuận gộp	20.320	23.698	28.801	34.529
Doanh thu hoạt động tài chính	2.336	1.936	1.976	2.084
Chi phí tài chính	-1.718	-1.812	-1.727	-1.860
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-5.243	-6.116	-7.658	-8.980
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-6.625	-7.074	-8.844	-10.508
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.112	11.025	13.259	15.977
Thu nhập khác	91	45	63	87
Lợi nhuận trước thuế	9.203	11.070	13.322	16.065
Lợi nhuận ròng	7.788	9.427	11.351	13.687
Lợi nhuận chia cho cổ đông	6.465	7.857	9.556	11.722
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.323	1.571	1.794	1.965
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	4.652	4.916	5.979	7.334
Giá trị sổ sách (VND)	19.663	20.252	24.231	29.565
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	2.000	2.000	2.000	2.000
EBIT	10.036	11.621	13.925	16.685
EBITDA	11.908	13.666	16.505	19.772
Tăng trưởng				
Doanh thu	19,6%	19,4%	18,8%	19,5%
EBITDA	20,3%	14,8%	20,8%	19,8%
EBIT	20,8%	15,8%	19,8%	19,8%
Lợi nhuận ròng	20,0%	21,0%	20,4%	20,6%
Vốn chủ sở hữu	18,1%	19,4%	21,4%	22,6%
Vốn điều lệ	15,8%	15,8%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	16,7%	19,4%	14,2%	20,9%
Định giá				
P/E	20,7	31	21,4	17,5
P/B	4,9	7,5	5,3	4,3
Giá/Doanh thu	2,3	3,6	2,5	2,1
Tỷ suất cổ tức	2,1%	1,3%	1,6%	1,6%
EV/EBITDA	9,1	14,7	10,1	8
EV/Doanh thu	2,1	3,3	2,2	1,8
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	38,6%	37,7%	38,6%	38,7%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	15,8%	16,5%	16,7%	17,0%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	14,8%	15,0%	15,2%	15,3%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	10,0%	9,7%	10,3%	10,1%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	12,6%	11,3%	11,8%	11,8%
ROE	28,2%	28,7%	28,7%	28,3%
ROA	13,9%	14,3%	14,7%	15,1%
ROIC	20,8%	20,9%	22,0%	22,5%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Phân tích

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6732

Phân tích Ngành CNTT

Bạch Chân Mẫn

Chuyên viên Phân tích

manbc@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6738

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702